

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 37/2019/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2019

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giới: <i>C</i>
	Ngày: <i>08.15/2019</i>

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch ngày 22 tháng 12 năm 2018;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số nội dung tại các Điều 15, 17, 19, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 30, 40, 41 và 49 của Luật Quy hoạch.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, đánh giá thực hiện quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hợp phần quy hoạch là một nội dung của quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch vùng được lập để thực hiện việc tích hợp quy hoạch.

2. Cơ quan tổ chức lập hợp phần quy hoạch là bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao trách nhiệm hoặc được phân công tổ chức lập hợp phần quy hoạch để tích hợp vào quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch vùng.

3. Cơ quan lập hợp phần quy hoạch là cơ quan được giao trách nhiệm hoặc được phân công lập hợp phần quy hoạch để tích hợp vào quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch vùng.

4. Không gian biển quốc gia là khoảng không gian bao gồm vùng đất ven biển, đảo, quần đảo, mặt nước, khối nước, đáy biển, lòng đất dưới đáy biển thuộc phạm vi vùng nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa và vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam.

Điều 4. Điều kiện về năng lực chuyên môn đối với tổ chức tư vấn lập quy hoạch

1. Tổ chức tư vấn lập quy hoạch phải có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và ít nhất 05 chuyên gia tư vấn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này. Tổ chức tư vấn lập hợp phần quy hoạch hoặc nội dung quy hoạch đối với quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh phải có ít nhất 01 chuyên gia tư vấn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Chuyên gia tư vấn là chủ nhiệm dự án quy hoạch phải có bằng đại học trở lên thuộc chuyên ngành liên quan đến quy hoạch cần lập, đã chủ trì lập ít nhất 01 quy hoạch cùng cấp quy hoạch cần lập hoặc đã trực tiếp tham gia lập ít nhất 02 quy hoạch cùng cấp quy hoạch cần lập.

Trường hợp quy hoạch cấp quốc gia lần đầu tiên được lập tại Việt Nam, chuyên gia tư vấn là chủ nhiệm dự án quy hoạch phải có bằng đại học trở lên thuộc chuyên ngành liên quan đến quy hoạch cần lập và đã chủ trì lập ít nhất 02 quy hoạch cấp vùng hoặc quy hoạch được lập cho phạm vi lưu vực sông liên tỉnh.

3. Chuyên gia tư vấn chủ trì lập hợp phần quy hoạch hoặc nội dung quy hoạch đối với quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch tỉnh phải có bằng đại học trở lên thuộc chuyên ngành liên quan đến hợp phần quy hoạch hoặc nội dung quy hoạch cần lập và đã trực tiếp tham gia lập ít nhất 01 quy hoạch cùng cấp quy hoạch cần lập.

Trường hợp quy hoạch cấp quốc gia lần đầu tiên được lập tại Việt Nam, chuyên gia tư vấn chủ trì lập hợp phần quy hoạch hoặc nội dung quy hoạch đối với quy hoạch ngành quốc gia phải có bằng đại học trở lên thuộc chuyên ngành liên quan đến hợp phần quy hoạch hoặc nội dung quy hoạch cần lập và đã chủ trì lập ít nhất 01 quy hoạch hoặc đã trực tiếp tham gia lập ít nhất 02 quy hoạch cấp vùng hoặc quy hoạch được lập cho phạm vi lưu vực sông liên tỉnh.

Điều 5. Các hình thức công bố quy hoạch

1. Ngoài việc thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 40 Luật Quy hoạch, quy hoạch còn được công bố theo các hình thức quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này, đồng thời phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Công bố quy hoạch trên phương tiện thông tin đại chúng theo các hình thức:

a) Thông báo trên kênh, chương trình thời sự của đài phát thanh, truyền hình quốc gia đối với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng hoặc đài phát thanh, truyền hình tỉnh đối với quy hoạch tỉnh về tóm tắt nội dung quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch, danh mục dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch;

b) Đăng tải tóm tắt nội dung quy hoạch ít nhất một lần trên trang nhất một tờ báo in hoặc trang chủ của báo điện tử trong thời gian ít nhất 30 ngày.

3. Công bố quy hoạch thông qua trưng bày mô hình, hệ thống sơ đồ, bản đồ quy hoạch, hệ thống cơ sở dữ liệu về quy hoạch theo các hình thức:

a) Tổ chức triển lãm giới thiệu quy hoạch;

b) Trưng bày sơ đồ, bản đồ quy hoạch, văn bản quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch, mô hình và cơ sở dữ liệu về quy hoạch tại cơ quan tổ chức lập quy hoạch hoặc cơ quan lập quy hoạch.

4. Tổ chức hội nghị, hội thảo phổ biến nội dung quy hoạch và kế hoạch thực hiện quy hoạch.

5. Phát hành ấn phẩm gồm sách, át-lát, video giới thiệu nội dung quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch, các dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch.

Điều 6. Đánh giá thực hiện quy hoạch

1. Đánh giá thực hiện quy hoạch được thực hiện định kỳ hàng năm, năm năm hoặc đột xuất theo quy định tại khoản 2 Điều 49, Điều 50 Luật Quy hoạch và Nghị định này.

2. Cơ quan đánh giá thực hiện quy hoạch có trách nhiệm gửi báo cáo đánh giá đến cấp có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 49 Luật Quy hoạch.

3. Báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch định kỳ là một nội dung của báo cáo về hoạt động quy hoạch quy định tại khoản 1 Điều 48 Luật Quy hoạch.

4. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch căn cứ báo cáo đánh giá thực hiện quy hoạch trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt quy hoạch xem xét, quyết định hoặc phê duyệt việc điều chỉnh quy hoạch kịp thời cho phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế.

Điều 7. Tiêu chí đánh giá thực hiện quy hoạch

1. Đánh giá tổng quát kết quả thực hiện mục tiêu quy hoạch theo các tiêu chí:

- a) Kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế;
- b) Kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển xã hội;
- c) Kết quả thực hiện các mục tiêu sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;
- d) Kết quả thực hiện các mục tiêu bảo đảm quốc phòng, an ninh.

2. Đánh giá tình hình thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch theo các tiêu chí:

- a) Danh mục và kế hoạch, tiến độ đầu tư các dự án đầu tư công đã triển khai thực hiện;
- b) Danh mục và kế hoạch, tiến độ đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công đã triển khai thực hiện;
- c) Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch chưa triển khai thực hiện, lý do chưa triển khai;
- d) Danh mục các dự án đã đi vào hoạt động và hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của dự án.

3. Đánh giá tình hình sử dụng tài nguyên trong quá trình thực hiện quy hoạch theo các tiêu chí:

- a) Tình hình sử dụng đất; hiệu quả sử dụng đất so với kỳ quy hoạch trước và so với mục tiêu quy hoạch; các giải pháp tiết kiệm đất và nâng cao hiệu quả sử dụng đất đã áp dụng trong quá trình thực hiện quy hoạch;
- b) Tình hình sử dụng tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên rừng, tài nguyên biển và các tài nguyên khác; hiệu quả sử dụng tài nguyên so với kỳ quy hoạch trước và so với mục tiêu quy hoạch; các giải pháp tiết kiệm tài nguyên và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đã áp dụng trong quá trình thực hiện quy hoạch;

c) Các giải pháp về kỹ thuật và quản lý đã thực hiện nhằm giảm thiểu tác động xấu đến môi trường do sử dụng đất và tài nguyên thiên nhiên khác trong quá trình thực hiện quy hoạch.

4. Đánh giá chính sách, giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch theo các tiêu chí:

a) Chính sách và giải pháp về thu hút đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, phát triển khoa học và công nghệ, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm nguồn lực tài chính, bảo đảm quốc phòng, an ninh đã được ban hành để thực hiện quy hoạch;

b) Hiệu lực và hiệu quả của các chính sách, giải pháp được ban hành để thực hiện quy hoạch;

c) Sự phù hợp của các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn có liên quan với quy hoạch được đánh giá thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch;

d) Tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến quá trình lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện và điều chỉnh quy hoạch trong quá trình thực hiện quy hoạch;

đ) Tổng hợp các vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch và đề xuất phương hướng giải quyết.

Chương II **LẬP QUY HOẠCH**

Mục 1 **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC THAM GIA** **LẬP QUY HOẠCH**

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan tổ chức lập quy hoạch

1. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch vùng có trách nhiệm:

a) Quyết định cơ quan lập quy hoạch;

b) Xem xét, quyết định lựa chọn phương án tích hợp các hợp phần quy hoạch vào quy hoạch cần lập đối với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch vùng; xem xét, quyết định xử lý các vấn đề còn có ý kiến khác nhau về quy hoạch giữa cơ quan lập quy hoạch và các cơ quan, tổ chức liên quan trong quá trình lập quy hoạch sử dụng đất quốc gia;